

**Diễn biến thị trường ngày 25.04.2017**

Thị trường ngày hôm nay giao dịch không tích cực, với phần lớn thời gian là điều chỉnh điểm của hai chỉ số VN-Index và HNX-Index. Kết thúc phiên giao dịch: VN-Index giảm 1,81 điểm (-0,26%) xuống 707,58 điểm; HNX-Index giảm 0,56 điểm (-0,63%) xuống 87,86 điểm. Thanh khoản trên hai sàn ở mức trung bình với giá trị giao dịch đạt 3.820 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 194 triệu cổ phiếu. Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị 81,9 tỷ đồng (1,5 triệu cổ phiếu). VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 23,5 tỷ đồng (0,16 triệu cổ phiếu), tiếp theo là HPG với 11,5 tỷ đồng (0,38 triệu cổ phiếu). Ngược lại, DXG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8 tỷ đồng (0,37 triệu cổ phiếu). Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị 8,71 tỷ đồng (1,3 triệu cổ phiếu). SHB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 14,8 tỷ đồng (2 triệu cổ phiếu).

VN-Index tiếp tục điều chỉnh phiên thứ tư liên tiếp, tuy nhiên mức giảm là nhẹ hơn phiên trước. Vì vậy, rủi ro điều chỉnh trong phiên tới sẽ giảm bớt. Dự báo trong phiên tới, VN-Index có thể duy trì đà giảm để kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ tại 705 điểm và sẽ hồi phục trở lại từ đây với kháng cự tại 716 điểm.

<b>Cập nhật thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
Chỉ số	707,58	87,86
% thay đổi	-0,26%	-0,63%
Tổng KLGD (triệu CP)	137,23	57
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3.126,82	582,67
KL Dư mua (triệu CP)	107,17	34,39
KL Dư bán (triệu CP)	86,84	29,16
<b>Giao dịch nước ngoài</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
KL mua (triệu CP)	7,09	0,85
KL bán (triệu CP)	5,58	2,19
GT mua (tỷ đồng)	246,63	13,09
GT bán (tỷ đồng)	164,73	21,81
KL mua/bán ròng (triệu CP)	1,51	-1,34
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	81,90	(8,72)
<b>Chỉ số thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
P/B	4,49	1,58
P/E	15,85	11,59
Beta	1	0,77
ROE	21,71%	14,42%
ROA	11,15%	6,08%

Nhóm BĐS vẫn tăng trưởng tốt, DXG tăng 3,2% lên 22.300 đồng sau tin Chủ tịch HĐQT đăng ký mua vào 5 triệu cổ phiếu. LDG tăng trần, HBC và ROS cũng tăng điểm.

Nhóm ngành ngân hàng có sự phân hóa mạnh khi: cổ phiếu ACB (-1,78%), EIB(-1,71%), MBB(-0,33%) giảm điểm, cổ phiếu VCB, NVB, BID giữ nguyên giá tham chiếu, cổ phiếu STB (+5,71%), CTG (+0,59%), SHB (+1,33%), VIB (+2,5%) tăng điểm.

Ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, BHS (+6%) tiếp tục tăng mạnh lên sát mức giá trần, nhờ thông tin M&A với SBT để trở thành doanh nghiệp mía đường lớn nhất Việt Nam.

Các cổ phiếu lớn đều giảm điểm như PLX (-6,7%), GAS (-0,7%), SAB (-0,5%), MWG (-1,5%), HPG (-0,8%), VJC (-1,1%), tác động chủ yếu vào mức điều chỉnh của chỉ số.

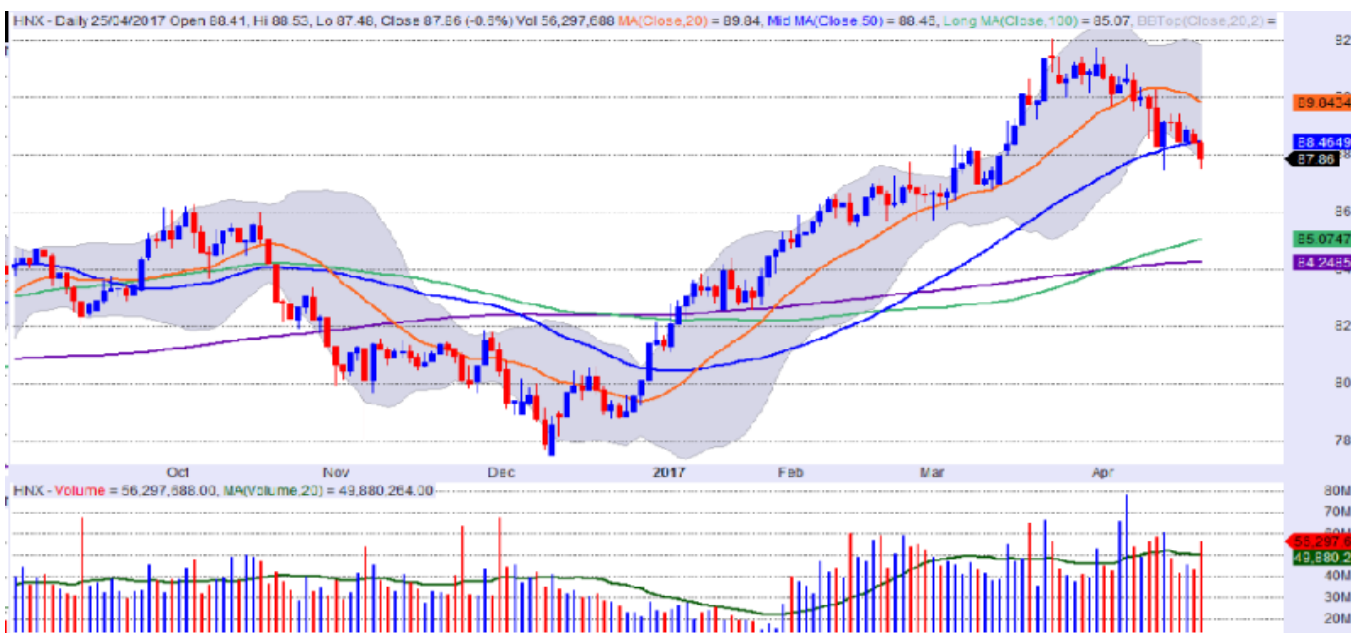
## Phân tích kỹ thuật

### VN-Index



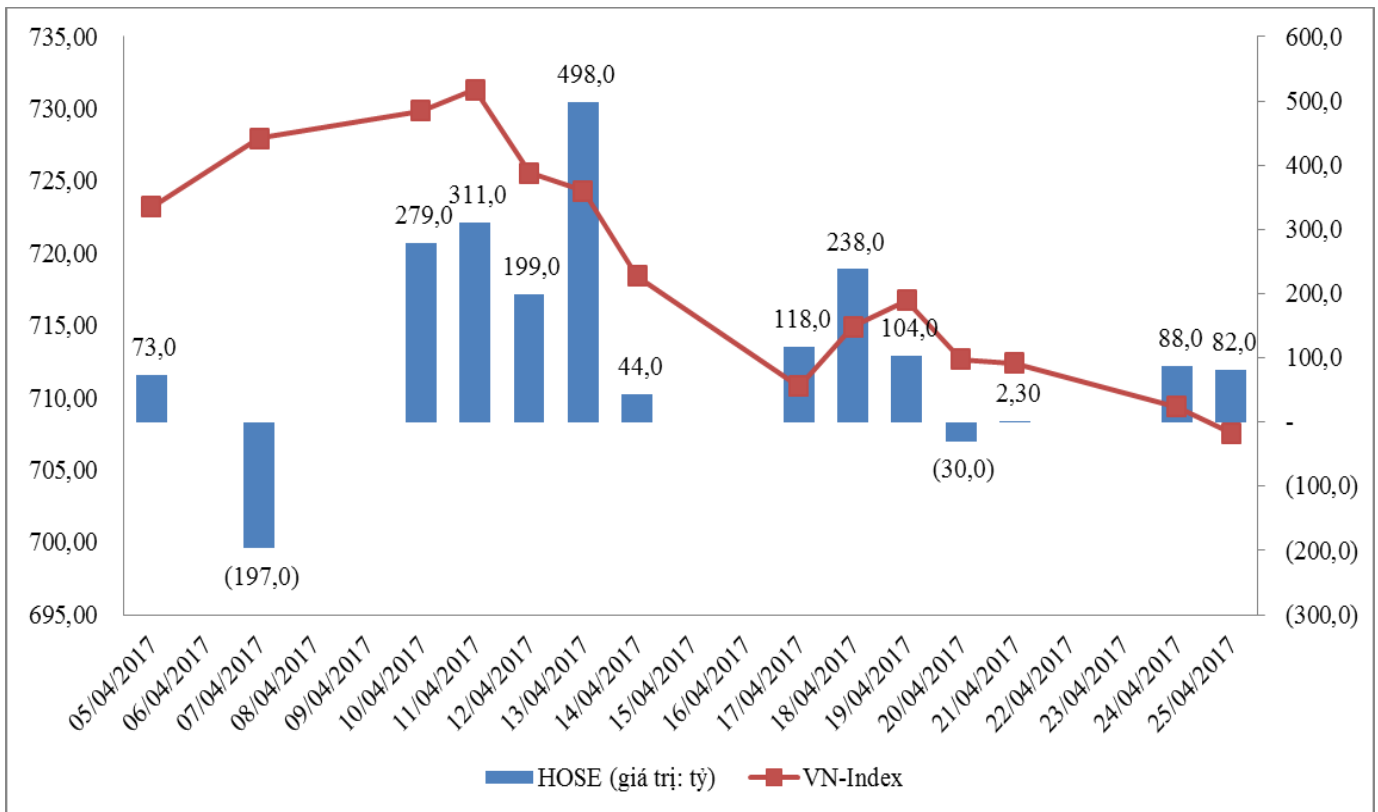
VN-Index giảm điểm phiên thứ 4 liên tiếp với mức giảm nhẹ hơn phiên trước. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có thể duy trì đà giảm điểm để kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 705 điểm (đáy phiên 18/4) và ngưỡng kháng cự gần nhất của chỉ số tại 716 điểm (MA5).

### HNX-Index



Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo, HNX-Index có thể tiếp tục giảm điểm để kiểm tra lại hỗ trợ gần nhất tại 87,5 điểm (đáy phiên 18/4) và kháng cự gần nhất tại 88,5 điểm (MA5-50).

## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



## Điểm tin doanh nghiệp

CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khóa NTP) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2017. Doanh thu bán hàng trong quý đạt 1.028 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ, trong khi đó giá vốn hàng bán tăng mạnh hơn, gần 31%, nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ còn 356 tỷ đồng, tăng 12% so với lợi nhuận gộp đạt được quý 1 năm ngoái. Doanh thu tài chính trong quý không đáng kể, tuy nhiên, công ty chi đến gần 16 tỷ đồng chi phí lãi vay, tăng 2,5 tỷ đồng so với cùng kỳ. Tổng nợ phải trả đến cuối quý lên đến 1.730 tỷ đồng, trong đó số vay nợ thuê tài chính ngắn hạn hơn 1.033 tỷ đồng và vay nợ thuê tài chính dài hạn hơn 233 tỷ đồng. Quý 1 công ty chi hơn 200 tỷ đồng vào chi phí bán hàng, tăng 65 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong khi lại tiết giảm được 18 tỷ đồng chi phí quản lý doanh nghiệp so với quý 1 năm ngoái. Với những kết quả đó, quý 1/2017 Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong báo lãi trước thuế 105,94 tỷ đồng, hoàn thành 23% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm mà ĐHCĐ giao phó (455 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 93,6 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ. Tổng cộng tài sản cuối quý đạt 3.656 tỷ đồng, tăng gần 250 so với thời điểm đầu năm. Vốn chủ sở hữu đạt 1.925 tỷ đồng trong đó vốn góp chủ sở hữu gần 744 tỷ đồng. Tính đến cuối quý 1/2017 Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong còn đến 722 tỷ đồng trong quỹ đầu tư phát triển. Mới đây, HĐQT công ty cũng đã quyết định triển khai phương án phát hành 14,87 triệu cổ phiếu mới thưởng cho cổ đông tỷ lệ 20% để tăng vốn điều lệ.

Giá trị phát hành theo mệnh giá gần 149 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2016 trên BCTC kiểm toán năm 2016. *(trích nguồn: cafef.vn)*

Sáng ngày 25/4, Tổng công ty Thép Việt Nam - Vnsteel (TVN) tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 để thông qua báo cáo kết quả hoạt động 2016 và kế hoạch 2017 của TVN và một số nội dung quan trọng khác. Báo cáo trước cổ đông về hoạt động kinh doanh 2016, ông Nghiêm Xuân Đa, Chủ tịch HĐQT TVN cho biết, năm 2016, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của hầu hết các mặt hàng, tại hầu hết các đơn vị đều vượt kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ. Theo đó, sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm toàn hệ thống của TVN đạt 4 triệu tấn, đạt 113% kế hoạch và tăng 23% so với cùng kỳ. Trong đó, thép xây dựng 3,15 triệu tấn, tăng 16%; thép cán nguội 0,5 triệu tấn, tăng 69%. Cụ thể, năm 2016, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 17.849 tỷ đồng, tăng 754,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 4% so với năm 2015; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 834,6 tỷ đồng, tăng 662 tỷ đồng, tương ứng 484% so với năm trước. Kết quả của Công ty mẹ, doanh thu thuần đạt 1.373 tỷ đồng, tăng 50% so với năm trước và hoàn thành 113% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 175 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch và tăng 35% so với thực hiện 2015. Năm 2017, TVN đưa ra kế hoạch sản xuất của Công ty mẹ với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 200 tỷ đồng, hạn mức huy động vốn tín dụng 2.940 tỷ đồng và tổng giá trị đầu tư 454,61 tỷ đồng (trong đó thực hiện các dự án đầu tư cơ bản 9,61 tỷ đồng và góp vốn đầu tư là 445 tỷ đồng). *(trích nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn)*

## Điểm tin kinh tế

Ngày 24/4 dẫn phát biểu của Phó Chủ tịch thường trực Hiệp hội Sắt thép Trung Quốc (CISA) Cố Kiến Quốc kêu gọi ngành sản xuất thép nước này tiếp tục cắt giảm quy mô vì lĩnh vực này đã bước vào giai đoạn bão hòa. Tuyên bố của ông Cố Kiến Quốc được đưa ra trong bối cảnh các nhà sản xuất thép của Trung Quốc trong quý I năm nay đều đạt được sự tăng trưởng cả về lợi nhuận và năng suất. Theo thống kê của CISA, tổng lợi nhuận của các công ty thành viên thuộc tổ chức này trong quý I/2017 đạt 23,3 tỷ Nhân dân tệ (khoảng 3,4 tỷ USD), trái ngược với mức thiệt hại 8,75 tỷ Nhân dân tệ trong cùng kỳ năm ngoái. Tổng sản lượng thép thô của Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm nay cũng tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó sản lượng thép của tháng 3 đã thiết lập mốc kỷ lục mới. Tuy nhiên, ông Cố Kiến Quốc cho rằng sự lạc quan vô căn cứ trong một lĩnh vực đang tồn tại vấn đề dư thừa năng lực sản xuất nghiêm trọng là hết sức thiên cận. Những nhà quản lý của các công ty sản xuất thép cần phải tỉnh táo trong việc đánh giá triển vọng kinh tế, nhu cầu và hoạt động tiêu thụ thép của cả năm, thay vì gia năng năng suất một cách mù quáng. Cũng theo ông Cố Kiến Quốc, ngành sản xuất thép Trung Quốc vẫn đang đứng trước 2 nguy cơ lớn là sự bất ổn của giá thép và chiều hướng sụt giảm trong hoạt động xuất khẩu thép. Tại kỳ họp 2017, báo cáo công tác của Chính phủ Trung Quốc đã nhấn mạnh vấn đề dư thừa năng lực sản xuất trong ngành sản xuất thép của nước này vẫn chưa được giải quyết một cách cơ bản và cuộc chạy đua giá thép gần đây có thể dẫn đến nhiều tổn thương cho nền kinh tế. Chính vì vậy, Trung Quốc trong năm 2017 cần tiếp tục cắt giảm khoảng 50 triệu tấn thép và ít nhất 150 triệu tấn than đá. Ông Cố Kiến Quốc cũng kêu gọi các nhà sản xuất thép của Trung Quốc hợp tác với chính phủ nước này để loại bỏ các sản phẩm thép kém chất lượng, đóng cửa các “doanh nghiệp xác sống” và cắt giảm năng lực sản xuất mới. (trích nguồn: ndh.vn)

**Kết thúc phiên 24/4**, chỉ số Dow Jones tăng 216,13 điểm (+1,05%), lên 20.763,89 điểm. Chỉ số S&P 500 tăng 25,46 điểm (+1,08%), lên 2.374,15 điểm. Chỉ số Nasdaq tăng 73,30 điểm (+1,24%), lên 5.983,82 điểm.

**Kết thúc phiên 24/4**, chỉ số FTSE 100 tại Anh tăng 150,13 điểm (+2,11%), lên 7.264,68 điểm. Chỉ số DAX tại Đức tăng 406,41 điểm (+3,37%), lên 12.454,98 điểm. Chỉ số CAC 40 tại Pháp tăng 209,65 điểm (+4,14%), lên 5.268,85 điểm.

**Kết thúc phiên 24/4**, chỉ số Nikkei 225 tại Nhật Bản tăng 255,13 điểm (+1,37%), lên 18.875,88 điểm. Chỉ số Hang Seng tại Hồng Kông tăng 97,46 điểm (+0,41%), lên 23.139,48 điểm. Chỉ số Shanghai Composite tại Thượng Hải giảm 43,62 điểm (-1,37%), xuống 3.129,53 điểm.

**Kết thúc phiên 24/4**, giá vàng giao ngay giảm 7,9 USD (-0,62%), xuống 1.276,0 USD/ounce. Giá vàng tương lai giao tháng 6 giảm 8,5 USD (-0,66%), xuống 1.277,5 USD/ounce.

(trích nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn)

## Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 25.04.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FLC	7,50		11.654.300	87.492
2	STB	11,10	5,71	5.363.000	58.019
3	ROS	164,00	0,61	4.905.490	799.495
4	SCR	8,40	0,36	4.730.070	39.324
5	DXG	22,30	3,24	4.372.190	95.997
6	BHS	14,90	6,05	3.690.340	54.021
7	HAG	8,53	(1,73)	3.265.580	28.113
8	HQC	2,50	0,40	3.257.550	8.102
9	HPG	29,80	(0,83)	3.193.390	95.629
10	DAH	7,39	(0,14)	2.650.900	19.722

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HAP	4,30	6,97	1.749.880	7.496
2	BCG	4,93	6,94	778.410	3.822
3	LDG	14,90	6,81	2.455.180	36.078
4	TTF	6,94	6,77	423.950	2.846
5	BHS	14,90	6,05	3.690.340	54.021
6	STB	11,10	5,71	5.363.000	58.019
7	DXG	22,30	3,24	4.372.190	95.997
8	PDR	24,60	2,93	452.610	10.847
9	DCM	11,25	2,74	2.065.080	23.088
10	DHM	6,67	2,30	969.960	6.353

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	C69	16,90	9,74	349.800	5.816
2	KLF	2,40	9,09	4.013.125	9.494
3	CTP	14,10	6,82	539.810	7.287
4	PIV	18,30	5,78	1.447.610	25.695
5	TIG	3,80	5,56	946.934	3.481
6	TTB	7,10	4,41	760.000	5.246
7	VMI	5,60	1,82	935.310	5.125
8	PHC	13,10	1,55	411.410	5.333
9	HKB	6,60	1,54	1.006.600	6.663
10	SHB	7,60	1,33	25.801.505	190.414

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SHB	7,60	1,33	25.801.505	190.414
2	KLF	2,40	9,09	4.013.125	9.494
3	ACB	22,10	(1,78)	1.796.943	40.023
4	SHN	10,00	1,01	1.614.200	16.160
5	PIV	18,30	5,78	1.447.610	25.695
6	VCG	14,50	(0,68)	1.234.767	17.914
7	HKB	6,60	1,54	1.006.600	6.663
8	CEO	11,40		1.003.900	11.328
9	NHP	3,30	(5,71)	996.040	3.314
10	HUT	13,00	(1,52)	982.149	12.844

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HID	3,26	(6,86)	893.170	2.988
2	PLX	45,15	(6,71)	2.533.550	118.258
3	ATG	2,24	(6,67)	1.251.110	2.805
4	TNT	2,55	(6,25)	262.030	681
5	STG	27,80	(5,44)	225.530	6.416
6	QCG	6,85	(4,20)	838.210	5.950
7	VPH	9,90	(3,88)	425.380	4.252
8	TLH	12,50	(3,85)	1.448.070	18.425
9	HVG	6,65	(3,62)	883.440	5.941
10	DIG	9,75	(2,50)	926.170	9.141

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 150.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	DGC	30,60	(10,00)	314.380	9.726
2	HHG	7,80	(6,02)	457.725	3.674
3	NHP	3,30	(5,71)	996.040	3.314
4	CMI	3,40	(5,56)	711.600	2.355
5	KHB	1,70	(5,56)	357.800	609
6	DCS	2,20	(4,35)	379.730	845
7	MST	10,00	(3,85)	223.800	2.248
8	DST	26,90	(2,18)	300.400	8.153
9	API	25,00	(1,96)	314.100	7.853
10	ACB	22,10	(1,78)	1.796.943	40.023

## Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VNM	164.330	23.532.480	657.164.727	54,72
2	HPG	384.420	11.500.000	154.342.258	55,19
3	CII	286.570	10.513.910	26.050.577	60,52
4	PLX	209.650	9.856.690	151.364.650	8,30
5	VJC	48.210	6.203.920	11.705.650	26,10
6	BVH	104.840	5.982.430	164.679.497	24,80
7	KBC	263.530	3.929.470	74.795.443	33,28
8	PC1	96.710	3.643.860	18.156.639	24,88
9	MSN	74.290	3.385.280	200.819.422	30,90
10	LDG	207.200	3.037.580	41.041.368	2,63

Top bán ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	DXG	(369.840)	(8.017.230)	53.454.614	27,88
2	SCR	(945.000)	(7.847.340)	87.564.392	10,58
3	DCM	(432.000)	(4.831.820)	243.314.293	3,04
4	VCB	(99.290)	(3.476.790)	333.859.205	20,72
5	IJC	(350.360)	(2.985.370)	58.324.067	6,46
6	NBB	(124.490)	(2.944.610)	8.139.901	36,28
7	DIG	(270.500)	(2.661.850)	51.233.561	33,28
8	TLH	(190.000)	(2.427.620)	36.271.569	6,15
9	KSB	(52.990)	(2.243.840)	20.170.170	11,80
10	HVG	(321.000)	(2.157.720)	80.548.005	5,01

Top mua ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	263.000	4.106.500	64.751.738	-
2	HKB	185.000	1.231.600	24.020.789	2,45
3	VND	58.500	877.020	1.707.973	47,90
4	BVS	30.100	498.480	15.503.487	27,54
5	HUT	30.500	399.000	52.893.756	19,00
6	VIT	10.400	310.930	6.946.325	2,69
7	TIG	73.400	271.580	18.705.701	23,57
8	DHT	2.900	259.360	2.578.063	7,97
9	DGL	7.000	230.300	22.179.245	1,20
10	IDV	4.500	228.600	5.328.323	2,93

Top bán ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SHB	(2.003.000)	(14.827.200)	222.776.120	8,15
2	PGS	(85.000)	(1.547.000)	16.160.042	16,68
3	CVT	(27.500)	(1.323.090)	17.533.016	-
4	VCS	(3.120)	(457.950)	27.871.806	2,55
5	MAS	(1.800)	(159.140)	1.001.075	15,73
6	VBC	(1.700)	(125.370)	1.374.594	3,18
7	CAN	(5.000)	(100.000)	1.540.830	18,18
8	VE1	(10.100)	(81.810)	0	46,93
9	NTP	-800	(60.400)	11.832.280	33,09
10	API	(1.300)	(32.890)	2.043.100	43,39

## Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi Ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	67.273,72	3%	-5,42%	-13,36%	11,54	2,38	19,01%	7,28%	1,40%	7,45%
Nguyên vật liệu	149.026,80	7%	-0,22%	-11,10%	8,64	1,80	19,16%	10,41%	5,74%	14,51%
Công nghiệp	414.898,11	18%	-0,04%	-1,24%	15,95	4,80	19,68%	9,66%	21,13%	24,09%
Hàng Tiêu dùng	603.354,74	26%	-0,27%	-0,66%	19,69	6,77	30,06%	20,47%	15,37%	33,76%
Dược phẩm và Y tế	31.809,76	1%	-0,05%	2,70%	24,04	3,26	22,09%	14,50%	11,72%	39,84%
Dịch vụ Tiêu dùng	132.012,60	6%	-0,54%	-6,03%	17,48	5,00	38,31%	10,16%	23,35%	7,33%
Viễn thông	13.161,61	1%	-0,01%	-7,77%	12,83	3,85	29,40%	10,83%	14,31%	44,21%
Tiện ích Cộng đồng	161.450,79	7%	-0,42%	-0,61%	11,62	2,14	17,56%	11,30%	15,84%	24,82%
Tài chính	340.817,67	15%	0,45%	-0,96%	21,73	2,80	10,24%	3,42%	17,66%	31,61%
Ngân hàng	348.471,95	15%	0,27%	-6,35%	13,08	1,63	11,96%	0,77%	22,83%	51,44%
CNTT	27.571,18	1%	-0,18%	-3,63%	10,99	1,95	16,29%	6,65%	5,78%	20,05%

## Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.442	22,26	1.451.355.384	43,16%	32,89%	208.124,36
2	SAB	SABECO	6.983	28,50	641.281.186	33,80%	21,97%	127.614,96
3	VCB	Vietcombank	2.000	17,55	3.597.768.575	14,75%	0,96%	126.281,68
4	VIC	VinGroup	925	43,63	2.637.707.954	5,89%	1,50%	106.431,52
5	GAS	PV Gas	4.115	13,05	1.913.348.070	18,88%	13,37%	102.746,79
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.093	150,08	430.000.000	11,63%	7,39%	70.520,00
7	CTG	VIETINBANK	1.836	9,31	3.723.404.556	11,79%	0,79%	63.670,22
8	BID	BIDV	1.795	9,11	3.418.715.334	14,70%	0,66%	55.896,00
9	MSN	Tập đoàn Masan	3.634	12,52	1.138.262.164	11,77%	3,85%	51.790,93
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	2.793	26,14	589.369.234	20,63%	5,28%	43.023,95

## Top vốn hóa cao nhất HNX

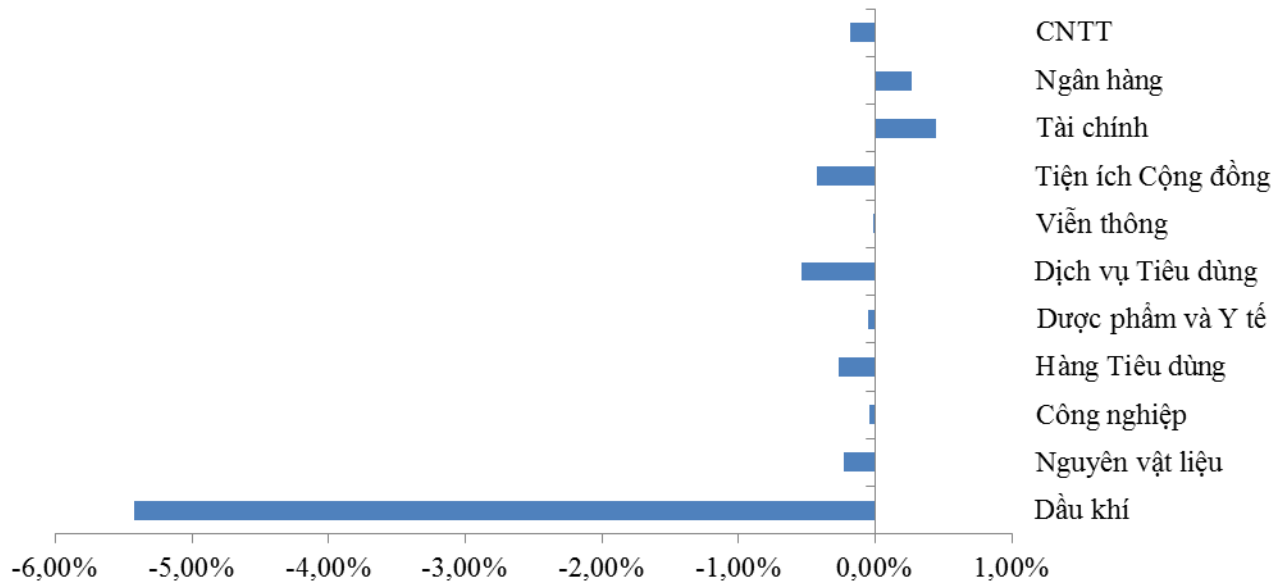
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.413	15,64	985.901.288	9,87%	0,61%	21.788,42
2	VCS	VICOSTONE	12.032	12,30	60.000.000	50,58%	23,16%	8.880,00
3	SHB	SHB	816	9,32	1.119.192.914	7,46%	0,42%	8.505,87
4	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.325	7,14	446.700.421	8,79%	4,00%	7.415,23
5	PVI	Bảo hiểm PVI	2.491	11,92	222.487.267	8,20%	3,26%	6.607,87
6	VCG	VINACONEX	1.095	13,25	441.710.673	6,54%	2,22%	6.404,80
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5.485	13,76	74.367.307	22,23%	12,23%	5.614,73
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1.410	10,85	326.960.000	12,12%	8,82%	5.002,49
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.673	9,38	307.000.000	13,40%	4,17%	4.819,90
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	12,96	131.075.937	8,87%	3,74%	3.106,50

## Top vốn hóa cao nhất UPCOM

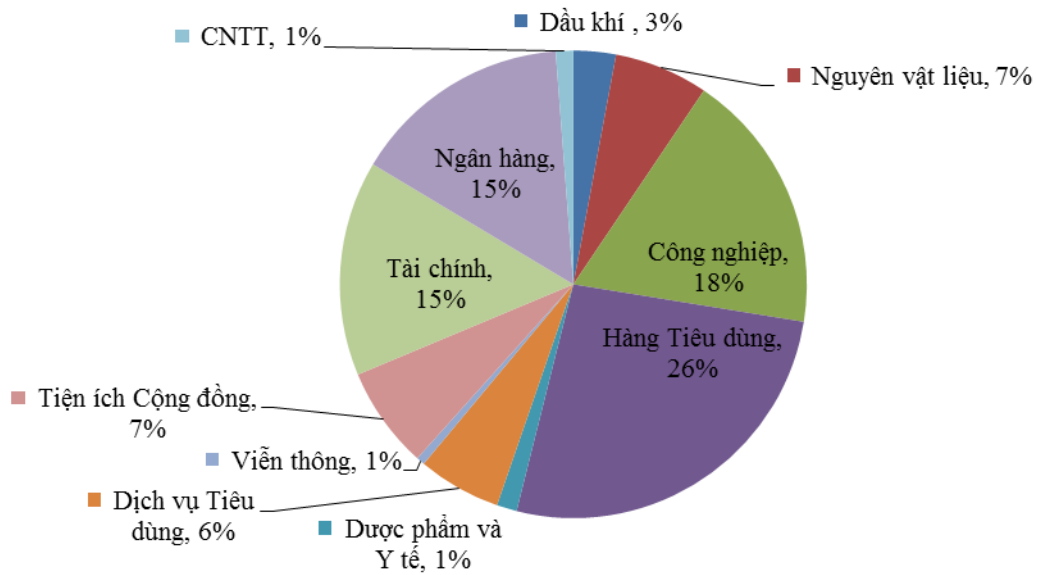
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	2.345	20,89	2.177.173.236	22,36%	11,14%	106.659,72
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	4.979	12,56	538.160.117	21,66%	15,32%	33.656,53
3	HVN	Vietnam Airlines	1.674	15,37	1.227.533.778	14,48%	2,21%	31.584,44
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.517	16,63	187.549.373	43,25%	24,96%	23.449,30
5	FOX	FPT Telecom	6.698	13,29	137.048.594	30,82%	11,15%	12.197,32
6	VIB	VIBBank	1.024	19,58	564.440.589	6,69%	0,60%	11.311,39
7	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	99,62	703.544.898	0,94%	0,41%	10.700,92
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	216,66	166.604.050	2,58%	2,56%	9.624,72
9	DTK	Vinacomin Power	617	22,68	680.000.000	6,83%	1,53%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-515	-157,23	107.299.000	-6,48%	-4,99%	8.691,22

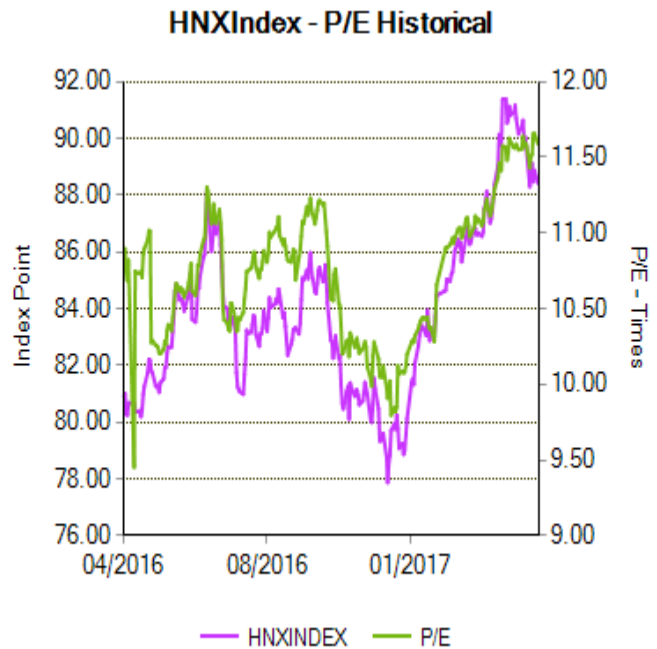
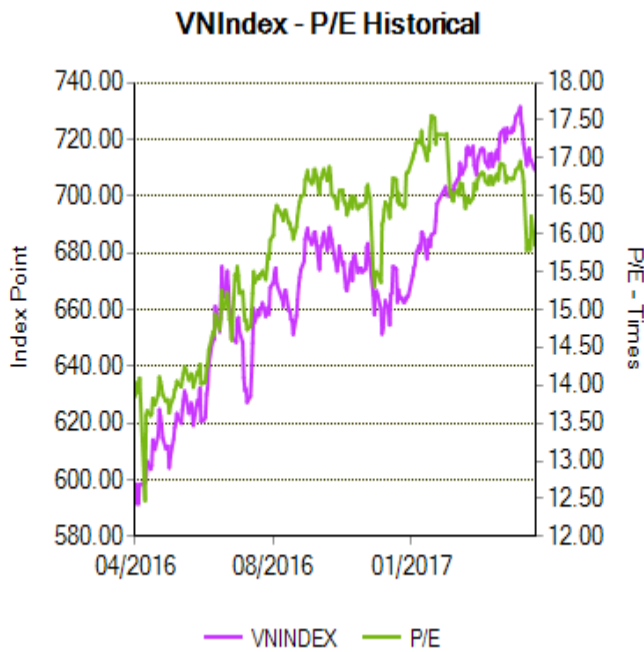


### Tăng/giảm theo ngành



### Tỷ trọng vốn hóa ngành





**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này. Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ** Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: [info@bmsc.com.vn](mailto:info@bmsc.com.vn)